

ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG – THCS TÂY SƠN – HÀ NỘI**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 9****Thời gian làm bài: 90 phút****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****I. ĐỌC HIỂU (4 điểm)****Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi**

Trong Truyện Kiều, Nguyễn Du nhiều lần nhắc đến việc Kiều đánh đàn, nhưng đặc tả tiếng đàn ấy thì trước sau có bốn lần. Bốn lần Kiều đàn ở bốn hoàn cảnh, tâm trạng khác nhau, nhưng đều hay như nhau - yêu đương và đau khổ.

Khi đàn cho Kim Trọng:

"Trong như tiếng hạc bay qua (1)
 Đục như nước suối mới sa nửa vơi (2)
 Tiếng khoan như gió thoảng ngoài
 Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa
 Ngọn đèn khi tỏ khi mờ
 Khiến người ngồi đỏ cũng ngơ ngần sầu
 Khi tựa gối khi cúi đầu (3)
 Khi vò chín khúc khi chau đôi mày (4)"

Khi đàn cho Thúc Sinh và Hoạn Thư nghe:

Bốn dây như khóc như than
 Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng
 Cùng trong một tiếng tơ đồng (5)
 Người ngoài cười nụ người trong khóc thầm
 Giọt châu lã chã khôn cầm
 Cúi đầu chàng những gạt thăm giọt Tương

Và đây là khúc thứ ba, Kiều hầu đàn cho Hồ Tôn Hiến:

Một cung gió thảm mưa sầu
 Bốn dây rỏ máu năm đầu ngón tay
 Ve ngâm vượn hót nào tày
 Lọt tay Hồ cũng nhả mảy rơi châu

(Trích Truyện Kiều - Nguyễn Du)

Chú thích:

1. Tiếng đàn trong như tiếng hạc kêu trên bầu trời thanh vắng;

2. Tiếng suối: Nước suối chảy ra nửa chừng còn gặp nhiều đá nên tiếng ồ ồ ầm ầm, không trong trẻo, thanh thoát.

3. Tựa gối: tựa tay lên gối tựa

4. Vò chín khúc: Đau lòng như chín khúc ruột bị vò rứt.

5. Tơ đồng: dây đàn, chỉ cái đàn (đồng là gỗ vòng dùng làm đàn)

Câu 1: Nêu thể loại, phương thức biểu đạt chính và nguồn gốc của đoạn trích trên.

Câu 2: Giải thích nhan đề “Đoạn trường tân thanh”.

Câu 3: Phép tu từ nào được tác giả vận dụng nhiều nhất khi miêu tả tiếng đàn Kiều? Phân tích ý nghĩa, tác dụng của phép tu từ ấy?

Câu 4: Hãy chỉ ra các từ ngữ cũng miêu tả giọt nước mắt? Đó là những giọt nước mắt của ai? Qua đó em hiểu gì về tài năng của Kiều?

II. VIẾT (6 điểm)

Câu 1: Qua trích đoạn trên em hãy viết đoạn văn theo phương pháp diễn dịch trình bày cảm nhận của em về diễn biến tâm trạng của Thuý Kiều qua những lần đánh đàn, trong đó có sử dụng phép thế để liên kết và thành phần biệt lập cảm thán.

Câu 2: Trong chương trình "Điểm tựa Việt Nam" do đài Truyền hình Việt Nam thực hiện được truyền hình trực tiếp trên VTV1 tối ngày 15/9/2024, thủ tướng Phạm Minh Chính đã xúc động phát biểu và đúc rút 6 điểm tựa để Việt Nam vượt qua mọi khó khăn thử thách của siêu bão số 3. Điểm tựa thứ 6 Thủ tướng đề cập đến là: "Tinh thần tự lực tự cường của người Việt Nam đã biến những cái không thể thành có thể". Em hãy viết 1 bài văn nghị luận nêu suy nghĩ của mình về tinh thần tự lực tự cường của dân tộc Việt Nam trong cuộc sống hôm nay.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT**THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Phần I. ĐỌC HIỂU****Câu 1****Phương pháp giải:**

Nhận diện thể loại, phương thức biểu đạt, nguồn gốc văn bản

Lời giải chi tiết:

- Thể loại: truyện thơ Nôm
- PTBD chính: tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm
- Nguồn gốc: Đoạn trích thuộc Truyện Kiều (tên chữ: *Đoạn trường tân thanh*) của Nguyễn Du

Câu 2**Phương pháp giải:**

Giải thích nghĩa của nhan đề bằng cách phân tích từng yếu tố.

Lời giải chi tiết:

- *Đoạn trường* nghĩa là đứt ruột, nỗi đau đớn tột cùng.
 - *Tân thanh* nghĩa là tiếng than mới.
- *Đoạn trường tân thanh* có nghĩa là: Tiếng than mới về nỗi đau đứt ruột của con người, đặc biệt là thân phận người phụ nữ tài sắc nhưng bạc mệnh. Đây chính là tiếng nói nhân đạo, đồng cảm sâu xa của Nguyễn Du.

Câu 3**Phương pháp giải:**

Nhận diện phép tu từ trong đoạn thơ, phân tích tác dụng.

Lời giải chi tiết:

- Phép tu từ được vận dụng nhiều nhất: So sánh.
- “Trong như tiếng hạc bay qua, đục như nước suối mới sa nửa vời”, “Tiếng khoan như gió thoảng ngoài, tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa”...
- Ý nghĩa, tác dụng:
- + So sánh tiếng đàn với âm thanh quen thuộc trong thiên nhiên → làm cho tiếng đàn trở nên sinh động, giàu sức gợi hình, gợi cảm.
 - + Qua đó, thể hiện tài năng âm nhạc tuyệt vời của Kiều và đồng thời bộc lộ được thế giới nội tâm nhiều cung bậc, đầy yêu thương, đau khổ.

Câu 4

Phương pháp giải:

Tìm từ ngữ chỉ nước mắt, xác định nhân vật, rút ra nhận xét.

Lời giải chi tiết:

- Các từ ngữ miêu tả giọt nước mắt: giọt châu lã chã, gạt thắm giọt Tương, nhấn mảy rơi châu.
- Đây là giọt nước mắt của Thúy Kiều và cả những người nghe đàn (như Thúc Sinh, Hồ Tôn Hiến).
- Qua đó, có thể thấy:
 - + Tiếng đàn của Kiều chứa chan nỗi lòng, giàu sức lay động.
 - + Kiều là người phụ nữ không chỉ xinh đẹp, tài hoa mà còn đặc biệt tinh tế trong nghệ thuật, khiến tiếng đàn trở thành tiếng nói tâm trạng, lay động lòng người.

PHẦN II. VIẾT**Câu 1****Phương pháp giải:****1. Mở đoạn**

Tiếng đàn của Thúy Kiều chính là nơi gửi gắm, bộc lộ diễn biến tâm trạng của nàng trong nhiều hoàn cảnh khác nhau.

2. Thân đoạn:

- Khi đàn cho Kim Trọng: âm thanh khi trong, khi đục, lúc khoan, lúc gấp → thể hiện tình yêu tha thiết, rạo rực nhưng cũng lo âu, phấp phồng.
- Khi đàn cho Thúc Sinh, Hoạn Thư: tiếng đàn như khóc, như than → bộc lộ nỗi đau khổ, tủi hờn của thân phận.
- Khi đàn cho Hồ Tôn Hiến: tiếng đàn trầm sâu, rõ máu → tiếng kêu thương tột cùng cho cuộc đời oan trái.

3. Kết đoạn:

- Tiếng đàn là tiếng lòng, là tiếng khóc của một tâm hồn đa sầu đa cảm → khẳng định tài năng và tâm hồn nghệ sĩ của Kiều.
- (Có thể thêm phép thế: “tiếng đàn” → “âm nhạc”, “tiếng lòng”; và thành phần cảm thán: “Thật vậy”).

Lời giải chi tiết:

Tiếng đàn của Thúy Kiều là nơi gửi gắm trọn vẹn diễn biến tâm trạng của nàng qua từng hoàn cảnh. Khi đàn cho Kim Trọng nghe, tiếng đàn khi trong, khi đục, khi khoan, khi gấp... đã tái hiện được tình yêu tha thiết, rạo rực mà cũng đầy xao xuyến lo âu. Khi đàn cho Thúc

Sinh và Hoạn Thư nghe, tiếng đàn “bốn dây như khóc như than” chính là lời tự bạch cho số phận đầy éo le, bất hạnh của người con gái tài hoa nhưng bạc mệnh. Đặc biệt, khi đàn cho Hồ Tôn Hiến, tiếng đàn “rỏ máu năm đầu ngón tay” là tiếng kêu thương tốt cùng cho cuộc đời oan trái, đau khổ. Tiếng đàn ấy, thật vậy, không chỉ là âm nhạc mà còn là tiếng lòng, là tiếng khóc của một tâm hồn đa sầu đa cảm. Qua diễn biến ấy, ta càng hiểu rõ hơn Kiều – một con người tài năng, giàu cảm xúc và luôn mang trong mình nỗi đau nhân thế.

Chú thích: phép thế: thay từ “tiếng đàn” bằng “âm nhạc”, “tiếng khóc”; có thành phần cảm thán: “Thật vậy”).

Câu 2

Phương pháp giải:

1. Mở bài:

Dẫn dắt từ truyền thống dân tộc → nêu vấn đề: tinh thần tự lực, tự cường của người Việt Nam.

2. Thân bài:

a. Giải thích:

Tinh thần tự lực, tự cường = dựa vào sức mình, kiên cường vượt khó, không ỷ lại, không đầu hàng nghịch cảnh.

b. Ý nghĩa lịch sử:

- Trong quá khứ: sức mạnh giúp dân tộc vượt qua giặc ngoại xâm, chiến thắng kẻ thù mạnh hơn nhiều lần.
- Trong hòa bình: động lực để xây dựng đất nước từ nghèo nàn thành quốc gia có vị thế.

c. Ý nghĩa hiện tại:

- Giúp đất nước vượt qua thách thức: thiên tai, dịch bệnh, hội nhập quốc tế.
- Biểu hiện trong đời sống hôm nay: lao động hăng say, sáng tạo, khởi nghiệp, tinh thần đoàn kết cộng đồng.

d. Phản đề: Phê phán tư tưởng ỷ lại, thụ động, thiếu ý chí phấn đấu trong một bộ phận giới trẻ.

e. Bài học nhận thức và hành động:

Mỗi người cần rèn luyện bản lĩnh, ý chí, tinh thần trách nhiệm để phát huy truyền thống quý báu này.

3. Kết bài:

Khẳng định tinh thần tự lực, tự cường là sức mạnh nội sinh, là điểm tựa để dân tộc Việt Nam vượt qua mọi thử thách và vươn lên sánh vai cùng các cường quốc.

Lời giải chi tiết:

Trong hành trình dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam luôn đối mặt với muôn vàn khó khăn, thử thách. Vậy mà, từ trong gian khó, người Việt vẫn vươn lên mạnh mẽ để làm nên những chiến thắng vẻ vang, để xây dựng đất nước ngày một phát triển. Điều đã làm nên sức mạnh kì diệu ấy chính là tinh thần tự lực, tự cường – phẩm chất quý báu của dân tộc Việt Nam.

Tinh thần tự lực, tự cường được hiểu là ý chí dựa vào sức mình, không ỷ lại, không đầu hàng khó khăn, dám nghĩ, dám làm để vượt qua nghịch cảnh và khẳng định bản lĩnh. Với dân tộc ta, đó là truyền thống quý báu được hun đúc qua hàng nghìn năm lịch sử. Trong chống ngoại xâm, tinh thần ấy đã giúp nhân dân ta đánh bại bao thế lực xâm lược hùng mạnh hơn mình gấp nhiều lần, từ quân Nguyên – Mông đến thực dân, đế quốc. Trong xây dựng đất nước, tinh thần ấy là động lực để nhân dân lao động hăng say, vượt qua đói nghèo, vươn lên phát triển. Ngày nay, tinh thần tự lực, tự cường càng có ý nghĩa to lớn. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, dân tộc ta vẫn còn nhiều khó khăn: thiên tai, dịch bệnh, thách thức từ toàn cầu hóa. Chính nhờ tinh thần ấy mà Việt Nam có thể biến điều không thể thành có thể: từ một nước nghèo, lạc hậu, nay đã trở thành quốc gia có vị thế trên trường quốc tế, đạt được nhiều thành tựu về kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học. Đặc biệt, trong đại dịch Covid-19, tinh thần tự lực, tự cường của người Việt Nam đã được thể hiện rõ qua sự đồng lòng của toàn dân, quyết tâm vượt qua thử thách, bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

Tuy vậy, trong xã hội hiện nay, vẫn còn một bộ phận không nhỏ thanh niên sống thụ động, ỷ lại, thiếu ý chí vươn lên. Điều đó đi ngược lại với truyền thống quý báu của dân tộc và cần phải thay đổi. Mỗi người, đặc biệt là thế hệ trẻ, cần nhận thức rõ trách nhiệm của mình: phải học tập, rèn luyện, sáng tạo, biết khởi nghiệp, dám cống hiến để xứng đáng với cha ông, để khẳng định vị thế Việt Nam trong tương lai.

Tinh thần tự lực, tự cường chính là sức mạnh nội sinh, là điểm tựa vững chắc của dân tộc ta. Giữ gìn và phát huy tinh thần ấy là con đường để Việt Nam không ngừng phát triển, để đất nước vững vàng vượt qua mọi khó khăn thử thách và vươn lên sánh vai cùng các cường quốc năm châu.